

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/DS-ST

Ngày: 27-02-2023

V/v “tranh chấp hợp đồng hợp tác”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Cường

2. Ông Trần Trung Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Trần Khắc Huy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Võ Liên Anh - Kiểm sát viên.

Từ ngày 24 đến ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng hợp tác” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** ông Ngô Danh T sinh năm: 1958

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang

2. **Bị đơn:** ông Trần Văn G sinh năm: 1951

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** anh Trần Văn P, sinh năm: 1981. Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện , tỉnh Tiền Giang

(Ông T, ông G có mặt; anh P xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2022, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Ngô Danh T trình bày: Ông được cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1512, diện tích 10.272m² tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang. Ngày 03 tháng 01 năm 2021 âm lịch ông và ông Trần Văn G có làm giấy hợp đồng góp vốn, góp cây giống, góp công để trồng các loại cây như ổi ruột đỏ, mít Changai, mít Mã Lai, vú sữa Hoàng Kim, măng cụt. Trong quá trình trồng cây và canh tác trên đất theo hợp đồng thì ông G đã thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc cây trái dẫn đến chết cây và khóa cửa không cho ông vào thăm vườn. Nay

ông yêu cầu chấm dứt hợp đồng hợp tác trồng cây giữa ông và ông G đã ký ngày 03 tháng 01 năm 2021, yêu cầu ông G trả lại trại tạm ở canh tác vườn cho ông.

Tại tờ tự khai ngày 22 tháng 3 năm 2022, biên bản hòa giải ngày 28 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Trần Văn G trình bày: Ngày 05 tháng 10 năm 2020 ông Ngô Danh T đến nhà ông thỏa thuận hợp tác trồng các loại cây như ổi ruột đỏ, mít Changai, vú sữa Hoàng Kim, măng cụt trên khoảng 10.000m² đất của ông T nên ông qua dọn đất hoang của ông T xong thì ông và ông T ký hợp đồng hợp tác canh tác đất vườn vào ngày 03 tháng 01 năm 2021, hai bên đã thỏa thuận rõ ràng theo hợp đồng. Sau khi trồng cây ông T không cung cấp phân thuốc gì cả dẫn đến chết 20 cây mít, 80 cây ổi và 06 cây măng cụt (do ông làm chết). Nay ông T yêu cầu chấm dứt hợp đồng hợp tác trồng cây giữa ông và ông T đã ký ngày 03 tháng 01 năm 2021, yêu cầu ông trả lại trại tạm cho ông T ông đồng ý nhưng ông T phải trả lại tiền công lao động cho ông từ khi ông vào canh tác trên đất ông T là ngày 05 tháng 10 năm 2020 cho đến nay với số tiền là 200.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn P trình bày: Anh là con ruột ông Trần Văn G, anh và cha anh có làm hợp đồng hợp tác canh tác đất vườn với ông Ngô Danh T nhưng do làm không có năng suất, cây trái bán không được nên anh không làm nữa mà đi làm công trình ở Long An để lại cho cha anh tiếp tục làm. Hợp đồng ngày 03 tháng 01 năm 2021 là do cháu anh viết anh không có ký tên trong hợp đồng vì anh để cha anh đứng tên. Nay ông T yêu cầu chấm dứt hợp đồng, yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản tổng số tiền là 128.050.000 đồng anh không đồng ý vì ông T là người sai hợp đồng trước.

Tại phiên tòa ông T, ông G vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trên; anh P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Phương là phù hợp Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát phân tích lời trình bày của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông T và ông G về việc chấm dứt hợp đồng hợp tác ngày 03 tháng 01 năm 2021 âm lịch, ông G trả lại ông T 01 trại tạm cất trên phần đất theo hợp đồng hợp tác ngày 03 tháng 01 năm 2021 âm lịch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Ngô Danh T khởi kiện ông Trần Văn G về tranh chấp hợp đồng hợp tác. Ông G và nơi hợp đồng được thực hiện ở ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tiền

Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Ngô Danh T yêu cầu chấm dứt hợp đồng hợp tác ngày 03 tháng 01 năm 2021 âm lịch giữa ông T và ông Trần Văn G, yêu cầu ông G trả lại ông T 01 trại tạm cất trên phần đất theo hợp đồng hợp tác ngày 03 tháng 01 năm 2021 âm lịch nên xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng hợp tác” theo quy định tại Điều 504 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Giữa ông Ngô Danh T và ông Trần Văn G thực tế có xảy ra tranh chấp hợp đồng hợp tác với nhau được hai ông thừa nhận thể hiện qua “Giấy hợp đồng” ngày 03 tháng 01 năm 2021 do ông T cung cấp, có chữ ký tên của ông T và ông G. Nội dung “Giấy hợp đồng” thể hiện việc ông T và ông G hợp tác trồng cây với nhau trên 10 công đất (10.000m² đất) của ông T; cây giống, phân, thuốc, lợi nhuận chia đều cho hai bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T cho rằng ông G thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc dẫn đến chết nhiều cây nên ông yêu cầu chấm dứt hợp đồng hợp tác ngày 03 tháng 01 năm 2021 âm lịch giữa ông và ông G, ông yêu cầu ông G trả lại ông 01 trại tạm cất trên phần đất theo hợp đồng hợp tác ngày 03 tháng 01 năm 2021 âm lịch. Ông G cho rằng nguyên nhân dẫn đến chết cây là ông T không cung cấp phân, thuốc cho ông chứ không phải ông thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc cây; ông T yêu cầu chấm dứt hợp đồng hợp tác giữa ông T và ông G đã ký ngày 03 tháng 01 năm 2021 âm lịch, yêu cầu ông G trả lại trại tạm cho ông T ông đồng ý nhưng ông T phải trả lại tiền công lao động cho ông từ khi ông vào canh tác trên đất ông T là ngày 05 tháng 10 năm 2020 cho đến nay với số tiền là 200.000.000 đồng. Xét thấy, tại phiên tòa ông T và ông G tự nguyện thỏa thuận chấm dứt hợp đồng hợp tác ngày 03 tháng 01 năm 2021, ông G trả lại ông T 01 trại tạm cất trên phần đất theo hợp đồng hợp tác ngày 03 tháng 01 năm 2021 là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với yêu cầu của ông G yêu cầu ông T phải trả lại tiền công lao động cho ông G từ khi ông vào canh tác trên đất ông T là ngày 05 tháng 10 năm 2020 cho đến nay với số tiền là 200.000.000 đồng thì trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có giải thích cho ông G về việc ông có yêu cầu phản tố thì phải có đơn gửi Tòa án để được xem xét và Tòa án cũng có lập bên bản quy định thời gian cho ông G nộp đơn phản tố nhưng từ khi lập biên bản đến trước thời điểm xét xử ông G cũng không nộp đơn phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của ông trong vụ án này. Sau này ông có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận, ông G là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, 504, 512 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 39, Điều 40, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Danh T.
 - 1.1 Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Ngô Danh T và ông Trần Văn G về việc chấm dứt hợp đồng hợp tác ngày 03 tháng 01 năm 2021.
 - 1.2 Ông Trần Văn G trả lại ông Ngô Danh T 01 trại tạm cất trên phần đất theo hợp đồng hợp tác ngày 03 tháng 01 năm 2021.
2. Về án phí:
 - 2.1 Ông Ngô Danh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
 - 2.2 Ông Trần Văn G được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Ông Ngô Danh T, ông Trần Văn G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với anh Trần Văn P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.
4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

